

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 10 - TH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 92/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 27 - 5 - 2026
V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn ”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - TH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Xuân Thành

Các Hội thẩm nhân dân: Bà: Phạm Thị Châu

Ông: Lê Văn Bình

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Quý Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân, khu vực 10 - TH.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - TH tham gia phiên tòa:
Ông: Nguyễn Đình Nam - Kiểm sát viên

Ngày 27 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân, Khu vực 10 - TH xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 56/2026/TLST- HNGĐ ngày 03 tháng 03 năm 2026 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 77/2026/QĐXXST- HNGĐ, ngày 28 tháng 4 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 1012/2026/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự;

- Nguyên đơn: Chị Bùi Thị T - Sinh năm: 1986

Số CCCD: 038186035628

Nơi đăng ký thường trú: Làng C, xã KT, tỉnh TH.

Địa chỉ nơi ở hiện nay: Vũ Văn H, xã MĐ, thành phố HP

- Bị đơn: Anh Bùi Văn D, sinh năm 1980

Số CCCD: 038080024332.

Địa chỉ: Làng C, xã KT, tỉnh TH

Tại phiên tòa vắng mặt chị T và anh D, chị Bùi Thị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh Bùi Văn D vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, tại bản tự khai quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Bùi Thị T trình bày: Chị và anh Bùi Văn D tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn ngày 21/11/2008 tại UBND xã NA, tỉnh TH. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống hạnh phúc được khoảng 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp tính nhau, anh D thường xuyên bài bạc, rượu chè không quan tâm chăm sóc vợ con, trong cuộc sống vợ chồng hay xảy ra cãi vã, bất đồng quan điểm, mâu thuẫn ngày càng trở nên trầm trọng không hàn gắn được, cuộc sống hôn nhân trở nên bế tắc và không có hạnh phúc, từ năm 2019 cho đến nay vợ chồng đã sống ly thân nhau, không còn quan tâm chăm sóc nhau nữa. Nay chị xét thấy tình cảm không, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Bùi Văn D.

Về con chung: Quá trình chung sống chị và anh Bùi Văn D có 02 con chung là Bùi Hoàng Lan H; sinh ngày 07/12/2009 và Bùi Hoàng Minh T; sinh ngày 15/04/2014. Ly hôn chị đề nghị Tòa án giải quyết giao cháu Bùi Hoàng Lan H cho chị, chị đồng ý giao cháu Bùi Hoàng Minh T cho anh Bùi Văn D được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đến tuổi thành niên, chị không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản chung: Chị Bùi Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai anh Bùi Văn D trình bày: Anh và chị Bùi Thị T tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại 21/11/2008 tại UBND xã NA, tỉnh TH. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc với nhau được khoảng 10 năm, từ năm 2019 anh và chị T sống ly thân nhau, không ai quan tâm chăm sóc nhau nữa, nay nay chị T làm đơn xin ly hôn với anh thì anh không đồng ý ly hôn với lý do chị T làm đơn ly hôn không nói cho anh được biết và không hỏi ý kiến anh. Do công việc của anh rất bận không có thời gian đi lại nên anh đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt anh, các vấn đề khác anh đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Anh và chị Bùi Thị T có 02 con chung là Bùi Hoàng Lan H; sinh ngày 07/12/2009 và Bùi Hoàng Minh T; sinh ngày 15/04/2014. Ly hôn anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: Anh không có ý kiến gì về phần tài sản đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - TH phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án là đúng với quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Bùi Văn D thực hiện chưa đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, 39 khoản 4 147, 227, 228, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Nghị Quyết số: 01/2024/ NQHĐTP ngày

16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao và Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử cho chị Bùi Thị T được ly hôn với anh Bùi Văn D, vợ chồng có 02 con chung Bùi Hoàng Lan H; sinh ngày 07/12/2009 và Bùi Hoàng Minh T; sinh ngày 15/04/2014, đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn và theo nguyện vọng của các con, giao cháu Bùi Hoàng Lan H cho chị T, giao cháu Bùi Hoàng Minh T cho anh D được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến tuổi thành niên. Chị Bùi Thị T và anh Bùi Văn D không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Chị Bùi Thị T và anh Bùi Văn D được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cấm, cản trở. Chị T phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị Bùi Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn đối với anh Bùi Văn D. Theo quy định tại Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 10 - TH.

Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho các bên đương sự nhưng anh Bùi Văn D không có mặt nên Tòa án đã thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho anh D theo quy định tại khoản 3 điều 210 BLTTDS.

Anh Bùi Văn D đã được triệu tập đến phiên hoà giải nhưng anh D không đến để tham gia hoà giải nên Tòa án không tiến hành hoà giải được. Đây là trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 BLTTDS.

Toà án cũng đã triệu tập họp lệ anh Bùi Văn D lần thứ hai đến Tòa án để tham gia phiên tòa nhưng anh D vẫn không có mặt mà không có lý do. Chị Bùi Thị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ quy định vào các Điều 227, Điều 228 BLTTDS Tòa án xét xử vắng mặt chị Bùi Thị T và anh Bùi Văn D.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị T và anh Bùi Văn D kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn ngày 21/11/2008 tại UBND xã NA, tỉnh TH nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Trong cuộc sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, anh D thường xuyên rượu chè, bài bạc, không quan tâm đến vợ con nên vợ chồng hay xảy ra cãi vã, cuộc sống chung không có hạnh phúc. Anh D cho rằng trong cuộc sống hôn nhân không có mâu thuẫn gì, chỉ là chị T làm đơn xin ly hôn anh mà không cho anh biết, nên anh không đồng ý ly hôn, điều này cũng phù hợp với nội dung Biên bản xác minh tình trạng hôn nhân mà Tòa án đã tiến hành thu thập. Tòa án cũng đã nhiều lần triệu tập anh D lên làm việc để anh D được bày tỏ quan điểm, ý kiến và nguyện vọng của mình nhưng anh D đều không có mặt, thể hiện anh D có ý bỏ mặc, không thiết tha hàn gắn tình cảm vợ chồng, thời gian vợ chồng sống ly thân nhau cũng kéo dài (từ năm 2019) như vậy hôn nhân trên thực tế

không còn tồn tại. Đến thời điểm hiện tại chị T vẫn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn điều đó chứng tỏ hôn nhân giữa chị T và anh D đã lâm vào tình trạng bế tắc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Bùi Thị T được ly hôn với anh Bùi Văn D.

[3] Về con chung: Chị Bùi Thị T và anh Bùi Văn D có 02 con chung Bùi Hoàng Lan H; sinh ngày 07/12/2009 và Bùi Hoàng Minh T; sinh ngày 15/04/2014. Kể từ khi vợ chồng sống ly thân nhau cháu Hương đang ở với chị T, cháu Tùng đang ở với anh D. Ly hôn chị T đề nghị Tòa án giải quyết giao cháu Bùi Hoàng Lan H cho chị, giao cháu Bùi Hoàng Minh T cho anh D được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến tuổi thành niên. Để không bị xáo trộn cuộc sống và đảm bảo sự phát triển bình thường về mọi mặt của con, cũng theo nguyện vọng của các con, HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, giao cháu Bùi Hoàng Lan H cho chị T, giao cháu Bùi Hoàng Minh T cho anh D được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến tuổi thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có quyền được đi lại thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản là phù hợp theo quy định tại các Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân gia đình và Nghị Quyết số: 01/2024/NQHĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Quá trình giải quyết vụ án chị T không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị, anh D không có ý kiến gì về vấn đề cấp dưỡng nuôi con. Xét yêu cầu của chị T là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về chia tài sản chung: Chị Bùi Thị T và anh Bùi Văn D không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Buộc chị Bùi Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

[7] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa hôm nay về việc giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Tòa án nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Các Điều 28, 35, 39; 147; 227; 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 1 của Luật sửa đổi bổ sung một số Điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tổ tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản, Luật Hòa giải đối thoại.

Căn cứ: Các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ: Nghị Quyết số: 01/2024/ NQHĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao

Căn cứ: Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Bùi Thị T được ly hôn với anh Bùi Văn D.
2. Về con chung: Giao cháu Bùi Hoàng Lan H; sinh ngày 07/12/2009 cho chị Bùi Thị T, giao cháu Bùi Hoàng Minh T; sinh ngày 15/04/2014 cho anh Bùi Văn D được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi các cháu đến tuổi thành niên.

Chị Bùi Thị T và anh Bùi Văn D được quyền được đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cấm, cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Bùi Thị T và anh Bùi Văn D không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

3. Về án phí: Chị Bùi Thị T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số: 0001430 ngày 02 tháng 03 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh TH, chị Bùi Thị T đã nộp đủ án phí.

Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt chị T và anh D. Chị Bùi Thị T và anh Bùi Văn D có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TH;
- VKSND khu vực 10- TH;
- THADS tỉnh TH;
- Các đương sự;
- UBND xã NA, tỉnh TH;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Xuân Thành

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Phạm Thị Châu

Lê Văn Bình

Phạm Xuân Thành

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Triệu Kim Bình

Phạm Thị Diệu

Phạm Xuân Thành

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Bùi Trung Thành

Phạm Đức Hoàn

Phạm Xuân Thành

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Bùi Trung Thành

Hà Thị Hòa

Phạm Xuân Thành

